

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂM AN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂM AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM AN PHAT PRODUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAP PRO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107398792

3. Ngày thành lập: 14/04/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 17, liên kè 9, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974625294

Fax:

Email: anphat@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
3.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
4.	Chăn nuôi gia cầm Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm	0146
5.	Khai thác gỗ	0221
6.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ ai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,...	0222
7.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
8.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
9.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
10.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
11.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
12.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
13.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
14.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
15.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
17.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
18.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
19.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

20.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
21.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
22.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
23.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
24.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy vệ sinh. + Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy.	1709
25.	In ấn	1811
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Sao chép bản ghi các loại	1820
28.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Vận tải hành khách ven biển	5011
29.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Vận tải hàng hóa ven biển	5012
30.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Bán buôn sắt, thép	4662
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Bán buôn xi măng - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. + Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; + Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
34.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
35.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
36.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Bán lẻ nhiều loại hàng hoá trong các siêu thị, minimart, trung tâm thương mại, bán nhiều loại hàng hóa lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá thuốc láo có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
40.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh + Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; + Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
43.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
44.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
45.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	4772
46.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
47.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
48.	Dịch vụ ăn uống khác - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ	5629
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Xây dựng nhà các loại Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	4100
51.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Xây dựng công trình đường bộ	4210
52.	Xây dựng công trình công ích	4220

53.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong Hòa như : + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Bán buôn thực phẩm	4632
59.	Bán buôn đồ uống	4633
60.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
61.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế + Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; + Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...	4649
63.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
64.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
65.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
66.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
67.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
68.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng;	4789
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

70.	Vận tải hành khách đường bộ khác - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
71.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
73.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN	P1508, CT7C, Khu đô thị Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	152.000	1.520.000.000	80,000	008178000040	
			Tổng số	152.000	1.520.000.000	80,000		
2	NGUYỄN MẠNH HÀ	Số nhà 46, ngõ 66, tổ dân phố 11 thôn Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.500	95.000.000	5,000	112068789	
			Tổng số	9.500	95.000.000	5,000		

3	TRẦN DUY DŨNG	Xóm Thị, tổ 38 , Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	28.500	285.000.000	15,000	013097363	
			Tổng số	28.500	285.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 008178000040

Ngày cấp: 29/07/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1508, CT7C, Khu đô thị Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1508, CT7C, Khu đô thị Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội